

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TNG LAND**

Số: 332../TB-TNGL

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 08 năm 2026

THÔNG BÁO

(Về việc Công khai thông tin về thời điểm bắt đầu tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua Nhà ở nhà ở hội tại Dự án Nhà ở xã hội TNG Việt Bắc, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên)

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 32/2025/TT-BXD ngày 10/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 08/2026/TT-BXD ngày 15/12/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực nhà ở;

Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà ở xã hội TNG Việt Bắc;

Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc giao đất cho Công ty cổ phần TNG Land để thực hiện Dự án Nhà ở xã hội TNG Việt Bắc tại phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên (đợt 1);

Quyết định chủ trương đầu tư số 2556/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Thái Nguyên về việc chấp thuận Công ty Cổ phần TNG Land là chủ đầu tư dự án Nhà ở xã hội TNG Việt Bắc tại phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên;

Văn bản số 64/TB-TNGL về việc Thông báo KQĐT BCNCKT đầu tư xây dựng hạng mục Nhà ở xã hội cao tầng và hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án Nhà ở xã hội TNG Việt Bắc;

Văn bản số 6682/SXD-QLN&HTKT ngày 27 tháng 07 năm 2026 của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên về việc thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua đối với công trình Nhà ở xã hội cao tầng tháp 01 thuộc dự án Nhà ở xã hội TNG Việt Bắc;

Giấy phép xây dựng số 24/GPXD ngày 12 tháng 02 năm 2026;

Tình hình triển khai dự án.

Công ty Cổ phần TNG Land trân trọng báo cáo và kính đề nghị Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên đăng tải, công bố công khai tại cổng thông tin điện tử của Sở xây dựng về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua trước khi thực hiện việc bán nhà ở xã hội tại dự án Nhà ở xã hội cao tầng tháp 01 TNG Việt Bắc, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

- 1. Tên dự án:** Nhà ở xã hội TNG Việt Bắc
- 2. Tên công trình:** Nhà ở xã hội cao tầng tháp 01 TNG Việt Bắc.
- 3. Chủ đầu tư dự án:** Công ty Cổ phần TNG Land
- 4. Địa điểm xây dựng:** phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên
- 5. Diện tích xây dựng Nhà ở xã hội cao tầng tháp 01:** Xây dựng 01 toà nhà cao 22 tầng nổi và 01 tầng hầm trên diện tích 1.731 m²
- 6. Hình thức đầu tư:** Đầu tư trực tiếp bằng nguồn vốn ngoài ngân sách.
- 7. Tổng số căn hộ nhà ở xã hội mở bán:** Chủ đầu tư đang đầu tư xây dựng Toà tháp 01 Nhà ở xã hội TNG Việt Bắc tại phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên với tổng số căn hộ là 515 căn.
- 8. Thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ:**

Hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu đăng ký mua nhà ở xã hội liên hệ trực tiếp chủ đầu tư để được hướng dẫn và nộp hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội:

STT	NỘI DUNG	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
1	Thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua	Bắt đầu từ ngày 07/09/2026 đến 07/10/2026 Từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần, cụ thể: + Sáng: từ 08h30 đến 11h30 + Chiều: từ 13h30 đến 16h30
2	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Trụ sở Công ty Cổ phần TNG Land, Cụm Công nghiệp Sơn Cẩm 1, Tổ dân phố 17, phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên. Thông tin liên hệ: 0826 345 566

		Email: tnland.vn@gmail.com
3	Hình thức nộp hồ sơ	Trực tiếp hoặc chuyển phát nhanh đến địa điểm tiếp nhận

9. Thông tin căn hộ mở bán

a) Tổng số căn hộ mở bán: 515 căn hộ

b) Diện tích: Căn hộ có diện tích dự kiến từ 29,2 m² đến 72,3 m²

c) Giá bán: Giá bán dự kiến (tạm tính) khoảng **22.820.059 đồng/m²** (Bằng chữ: Hai mươi hai triệu tám trăm hai mươi nghìn không trăm năm mươi chín đồng trên một mét vuông) Giá trên bao gồm VAT và chưa bao gồm kinh phí bảo trì.

10. Đối tượng đăng ký mua nhà ở xã hội:

Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội được quy định tại Điều 76 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, cụ thể:

“Điều 76. Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội

1. Người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ thuộc trường hợp được hỗ trợ cải thiện nhà ở theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

2. Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn.

3. Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu.

4. Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị.

5. Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị.

6. Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp.

7. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác.

8. Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

9. Đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 125 của Luật này, trừ trường hợp bị thu hồi nhà ở công vụ do vi phạm quy định của Luật này.

10. Hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở.

11. Học sinh, sinh viên đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề, trường chuyên biệt theo quy định của pháp luật; học sinh trường dân tộc nội trú công lập.

12. Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong khu công nghiệp.

13. Người có từ 02 con đẻ trở lên.”

- Đối tượng được giải quyết **bán** bao gồm các đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10 và 13 Điều 76 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 và đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân.

* **Lưu ý:** Đối tượng là người có từ 02 con đẻ trở lên quy định tại khoản 13 Điều 76 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Luật Dân số số 113/2025/QH15.

11. Điều kiện đăng ký mua nhà ở xã hội

11.1 Điều kiện về nhà ở:

a) Trường hợp chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình được xác định khi đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 77 của Luật Nhà ở và vợ hoặc chồng của đối tượng đó (nếu có) được xác định là không có tên hoặc không có nội dung thông tin về nhà ở trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại nơi có dự án Nhà ở xã hội.

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được giấy đề nghị xác nhận về điều kiện nhà ở, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại tỉnh Thái Nguyên xác nhận theo quy định tại khoản này.

b) Trường hợp đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 77 của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người thấp hơn 15 m² sàn/người.

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị xác nhận diện tích nhà ở bình quân đầu người, Ủy ban nhân dân cấp xã/phường thực hiện việc xác nhận.

c) Trường hợp người có nhà ở thuộc sở hữu của mình thuộc nơi có dự án Nhà ở xã hội cách địa điểm làm việc từ 30km trở lên thì được xem xét hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội; đồng thời phải bảo đảm khoảng cách từ dự án nhà ở xã hội đến địa điểm làm việc gần hơn khoảng cách từ nhà ở hiện tại đến địa điểm làm việc. (Căn cứ theo quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/09/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định chi tiết về trường hợp người có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xã địa điểm làm việc được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên)

11.2. Điều kiện về thu nhập:

a) Đối tượng quy định tại các khoản 5, 6, 8 Điều 76 của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, trừ đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 không có hợp đồng lao động, không được hưởng lương hưu do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả:

- Trường hợp người đứng đơn là người chưa kết hôn hoặc được xác nhận là độc thân thì có thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 25 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đối tượng làm việc xác nhận.

- Trường hợp người đứng đơn là người chưa kết hôn hoặc được xác nhận là độc thân đang nuôi con dưới tuổi thành niên thì thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 35 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đối tượng làm việc xác nhận.

- Trường hợp người đứng đơn đã kết hôn theo quy định của pháp luật thì người đứng đơn và vợ (chồng) của người đó có tổng thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 50 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đối tượng làm việc xác nhận.

- Thời gian xác định điều kiện về thu nhập là trong 12 tháng liền kề, tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền thực hiện xác nhận.

b) Đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 không có hợp đồng lao động, không được hưởng lương hưu do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả:

Phải bảo đảm điều kiện về thu nhập theo quy định trên và được cơ quan Công an cấp xã/phường nơi thường trú hoặc tạm trú hoặc nơi ở hiện tại xác nhận.

- Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị xác nhận, Công an cấp xã nơi công dân thường trú hoặc tạm trú hoặc nơi ở hiện tại thời điểm công dân đề nghị, có trách nhiệm xác nhận các thông tin gồm: Họ, chữ đệm và tên; Ngày, tháng, năm sinh; giới tính; số định danh cá nhân; ngày, tháng, năm cấp thẻ căn cước/căn cước công dân; nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi ở hiện tại.

- Công dân có trách nhiệm kê khai và cam kết thông tin thu nhập bình quân hàng tháng. Công an cấp xã phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc xác minh, hậu kiểm thông tin thu nhập bình quân hàng tháng của công dân đối với các trường hợp cần thiết.

- Đơn đề nghị xác nhận điều kiện về thu nhập quy định tại khoản này đồng thời là giấy tờ chứng minh về đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội.

c) Đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15:

- Trường hợp người đứng đơn là người độc thân thì có thu nhập hàng tháng thực nhận không quá tổng thu nhập của sĩ quan có cấp bậc hàm Đại tá (gồm lương cơ bản và

phụ cấp theo quy định, bao gồm cả phụ cấp khu vực tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo có điều kiện khó khăn) được cơ quan, đơn vị nơi công tác, quản lý xác nhận.

- Trường hợp người đứng đơn đã kết hôn theo quy định của pháp luật:

+ Người đứng đơn và vợ (chồng) của người đó đều thuộc đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở thì có tổng thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 2,0 lần tổng thu nhập của sĩ quan có cấp bậc hàm Đại tá (gồm lương cơ bản và phụ cấp theo quy định, bao gồm cả phụ cấp khu vực tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo có điều kiện khó khăn) được cơ quan, đơn vị nơi công tác, quản lý xác nhận;

+ Vợ (chồng) của người đứng đơn không thuộc đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở thì có tổng thu nhập hàng tháng thực nhận không quá tổng thu nhập của sĩ quan có cấp bậc hàm Đại tá (gồm lương cơ bản và phụ cấp theo quy định, bao gồm cả phụ cấp khu vực tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo có điều kiện khó khăn) cộng với mức lương không quá 25 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương được cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đối tượng làm việc xác nhận.

+ Trường hợp vợ (chồng) của người đứng đơn thuộc đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 của Luật Nhà ở trong trường hợp không có Hợp đồng lao động thì thực hiện việc xác nhận điều kiện về thu nhập theo Nghị định 136/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 04 năm 2026.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo của Công ty Cổ phần TNG Land gửi tới Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên và kính đề nghị Sở Xây dựng tạo điều kiện đăng tải thông tin dự án trên trang Thông tin điện tử của Quý Sở để người dân được biết và chuẩn bị hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Hà Văn Giang

PHỤ LỤC 01. BIỂU MẪU HỒ SƠ ĐĂNG KÝ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI

(Kèm theo Thông báo số: 382./TB-TNGL ngày 07 tháng 08 năm 2026)

1. Thành phần hồ sơ

Mẫu số 01	Đơn đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội	Đơn đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội (Nghị định số 136/2026/NĐ-CP ngày 07/4/ 2026 của Chính phủ)
Mẫu số 01	Giấy tờ chứng minh đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội (áp dụng cho các đối tượng quy định tại các khoản 9, 10, 11 Điều 76 của Luật Nhà ở)	Giấy xác nhận về đối tượng (Thông tư số 08/2026/TT-BXD ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)
Mẫu số 02	Giấy tờ chứng minh điều kiện về nhà ở để được mua, thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân (trường hợp chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình, hoặc không có tên hoặc không có nội dung thông tin về nhà ở trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất)	Giấy xác nhận về điều kiện nhà ở (Thông tư số 08/2026/TT-BXD ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)
Mẫu số 05	Giấy tờ chứng minh đối tượng, thu nhập để được mua, thuê mua nhà ở xã hội (áp dụng cho đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 của Luật Nhà ở không có hợp đồng lao động, không được hưởng lương hưu do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả)	Đơn đề nghị xác nhận điều kiện về thu nhập (giấy tờ chứng minh đối tượng, thu nhập) (Thông tư số 08/2026/TT-BXD ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)
Mẫu số 03	Giấy tờ chứng minh điều kiện về nhà ở để được mua, thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân (trường hợp có nhà ở nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người thấp hơn 15m ² sàn/người)	Giấy xác nhận về điều kiện nhà ở (Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)
Mẫu số 01a	Giấy tờ chứng minh đối tượng, thu nhập để được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội	Giấy xác nhận về đối tượng, thu nhập (Thông tư số 32/2025/TT-BXD ngày

	(áp dụng cho các đối tượng quy định tại các khoản 5, 6, 8 Điều 76 của Luật Nhà ở, trừ đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 của Luật Nhà ở không có hợp đồng lao động, không được hưởng lương hưu do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả)	10/11/2015 của Bộ Xây dựng)
Mẫu số 04	Giấy tờ chứng minh điều kiện về thu nhập để được mua, thuê mua nhà ở xã hội (áp dụng cho đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở)	Giấy xác nhận điều kiện về thu nhập (Thông tư số 32/2025/TT-BXD ngày 10/11/2015 của Bộ Xây dựng)
Mẫu NOCA	Giấy chứng minh đối tượng trong Công an nhân dân được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội và nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân	Giấy chứng minh đối tượng trong công an nhân dân được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội và nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân (Thông tư số 89/2026/TT-BCA ngày 10/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an)
Mẫu NOQĐ	Mẫu giấy tờ chứng minh đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở	Giấy xác nhận về đối tượng (Thông tư số 94/2024/TT-BQP ngày 11/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)
Mẫu số 06	Giấy tờ chứng minh đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc	

2. Biểu mẫu hồ sơ chi tiết

Mẫu số 01. Đơn đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội

(Theo Nghị định số 136/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ MUA, THUÊ MUA, THUÊ NHÀ Ở XÃ HỘI

Hình thức đăng ký^[1]: Mua ☐ Thuê mua ☐ Thuê ☐

1. Kính gửi^[2]:

2. Họ và tên người viết đơn:

3. Căn cước công dân số cấp ngày/...../..... tại.....

4. Nghề nghiệp^[3].....

5. Nơi làm việc^[4]:

6. Thuộc đối tượng^[5]:

7. Thực trạng về nhà ở của tôi như sau:

7.1. Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình

☐

7.2. Có nhà ở nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người thấp hơn 15 m² sàn/người^[6]

☐

8. Tôi có mức thu nhập hàng tháng là:

8.1. Đối với đối tượng quy định tại khoản 5, khoản 6 và khoản 8 Điều 76 của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023^[7] thì đánh dấu vào một trong hai ô dưới đây:

- Trường hợp người đứng đơn là người chưa kết hôn hoặc được xác nhận là độc thân thì có thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 25 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đối tượng làm việc xác nhận^[8].

☐

- Trường hợp đối tượng là người chưa kết hôn hoặc được xác nhận là độc thân đang nuôi con dưới tuổi thành niên thì thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 35 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đối tượng làm việc xác nhận^[9].

☐

- Trường hợp người đứng đơn đã kết hôn theo quy định của pháp luật thì người đứng đơn và vợ (chồng) của người đó có tổng thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 50 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đối tượng làm việc xác nhận^[10].

☐



8.2. Đối với đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở^[1] thì đánh dấu vào một trong hai ô dưới đây:

- Trường hợp là người độc thân thì có thu nhập hàng tháng thực nhận không quá tổng thu nhập của sỹ quan có cấp bậc hàm Đại tá (gồm lương cơ bản và phụ cấp theo quy định, bao gồm cả phụ cấp khu vực tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo có điều kiện khó khăn) được cơ quan, đơn vị nơi công tác, quản lý xác nhận. □

- Trường hợp đã kết hôn theo quy định của pháp luật:

+ Tôi và vợ (chồng) tôi đều thuộc đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở thì có tổng thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 2,0 lần tổng thu nhập của sỹ quan có cấp bậc hàm Đại tá (gồm lương cơ bản và phụ cấp theo quy định, bao gồm cả phụ cấp khu vực tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo có điều kiện khó khăn) được cơ quan, đơn vị nơi công tác, quản lý xác nhận. □

+ Vợ (chồng) tôi không thuộc đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở thì có tổng thu nhập hàng tháng thực nhận không quá tổng thu nhập của sỹ quan có cấp bậc hàm Đại tá (gồm lương cơ bản và phụ cấp theo quy định, bao gồm cả phụ cấp khu vực tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo có điều kiện khó khăn) cộng với mức lương (thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận) không quá 25 triệu đồng được cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đối tượng làm việc xác nhận. □

9. Tôi chưa được mua hoặc thuê mua nhà ở xã hội, chưa được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở dưới mọi hình thức tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai. Khi được giải quyết^[2]..... nhà ở xã hội, tôi cam kết chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng nhà ở xã hội.

....., ngày tháng năm

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

^[1] Đánh dấu vào ô mà người viết đơn có nhu cầu đăng ký.

^[2] Ghi tên chủ đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

^[3] Nếu đang làm việc tại cơ quan, tổ chức thì ghi rõ nghề nghiệp, nếu là lao động tự do thì ghi là lao động tự do, nếu đã nghỉ hưu thì ghi đã nghỉ hưu...

^[4] Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này, trừ đối tượng là sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sỹ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ

yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác.

[5] Ghi rõ người có đơn thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội.

[6] Đối với trường hợp độc thân: diện tích nhà ở bình quân đầu người đối với người đó.

Đối với trường hợp hộ gia đình: diện tích nhà ở bình quân đầu người đối với người đề nghị xác nhận, vợ/chồng người đề nghị xác nhận (nếu có), cha, mẹ của người đề nghị xác nhận bao gồm cả cha, mẹ vợ/chồng của người đó (nếu có) và các con của người đề nghị xác nhận (nếu có).

[7] Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị (khoản 5 Điều 76); công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp (khoản 6 Điều 76); cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức (khoản 8 Điều 76).

[8] Trường hợp đối tượng là người thu nhập thấp khu vực đô thị không có hợp đồng lao động, nếu là người chưa kết hôn hoặc được xác nhận là độc thân thì có thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 25 triệu đồng. Cơ quan Công an cấp xã nơi thường trú/tạm trú hoặc nơi ở tại thời điểm đối tượng đề nghị xác nhận xác nhận điều kiện về thu nhập.

[9] Trường hợp đối tượng là người thu nhập thấp khu vực đô thị không có hợp đồng lao động, nếu là người chưa kết hôn hoặc được xác nhận là độc thân đang nuôi con dưới tuổi thành niên thì thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 35 triệu đồng. Cơ quan Công an cấp xã nơi thường trú/tạm trú hoặc nơi ở tại thời điểm đối tượng đề nghị xác nhận xác nhận điều kiện về thu nhập.

[10] Trường hợp đối tượng là người thu nhập thấp khu vực đô thị không có hợp đồng lao động, nếu đã kết hôn theo quy định của pháp luật thì tổng thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 50 triệu đồng. Công an cấp xã nơi thường trú/tạm trú hoặc nơi ở tại thời điểm đối tượng đề nghị xác nhận xác nhận điều kiện về thu nhập.

[11] Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác (khoản 7 Điều 76).

[12] Ghi rõ hình thức được giải quyết chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội (mua, thuê mua, thuê).

Mẫu số 01. Giấy tờ chứng minh đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội (áp dụng cho các đối tượng quy định tại các khoản 9, 10, 11 Điều 76 của Luật Nhà ở)

(Theo Thông tư số 08/2026/TT-BXD ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực nhà ở)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG

1. Kính gửi[1]:.....

2. Họ và tên:.....

3. Căn cước công dân số:cấp ngày...../...../..... tại

4. Nơi ở hiện tại[2]:.....

5. Đăng ký thường trú (đăng ký tạm trú) tại:

6. Nghề nghiệp..... Tên cơ quan (đơn vị)

.....

7. Là đối tượng[3] Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày tháng năm

Người kê khai
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp[4]

Ông/Bà.....là đối tượng[5].....
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02. Giấy tờ chứng minh điều kiện về nhà ở để được mua, thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân (trường hợp chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình, hoặc không có tên hoặc không có nội dung thông tin về nhà ở trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐIỀU KIỆN NHÀ Ở

1. Kính gửi[6]:
2. Họ và tên:.....
3. Căn cước công dân số:..... cấp ngày .../ .../ ... tại.....
4. Nơi ở hiện tại[7]:.....
5. Đăng ký thường trú (đăng ký tạm trú) tại:
6. Họ và tên vợ/chồng (nếu có):
- Căn cước công dân số..... cấp ngày .../ .../ ... tại.....
7. Đăng ký kết hôn số (nếu có).....
8. Là đối tượng[8]:.....
9. Tôi và vợ/chồng tôi (nếu có) không có nhà ở thuộc sở hữu của mình, hoặc không có tên hoặc không có nội dung thông tin về nhà ở trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) tại tỉnh/Thành phố..... (nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân)[9].

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

	, ngày tháng năm Người kê khai Giấy xác nhận về điều kiện nhà ở (Ký và ghi rõ họ tên)
--	---

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

Ông/Bà: không có nhà ở thuộc sở hữu của mình, hoặc không có tên hoặc không có nội dung thông tin về nhà ở trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại tỉnh/Thành phố

..... (nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội/ nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân).

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05. Giấy tờ chứng minh đối tượng, thu nhập để được mua, thuê mua nhà ở xã hội (áp dụng cho đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 của Luật Nhà ở không có hợp đồng lao động, không được hưởng lương hưu do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN VỀ THU NHẬP
(GIẤY TỜ CHỨNG MINH ĐỐI TƯỢNG, THU NHẬP)

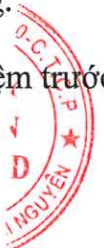
1. Kính gửi: Công an[10]
2. Họ, chữ đệm và tên:
3. Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... 4. Giới tính:
5. Số định danh cá nhân (nếu có):
6. Thẻ căn cước/căn cước công dân số:..... cấp ngày/.../.....
7. Nơi ở hiện tại[11]:
8. Đăng ký thường trú (đăng ký tạm trú) tại:
9. Là đối tượng[12] :
10. Tôi có thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận là đồng/tháng.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày tháng năm

Người kê khai
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Công an cấp xã[13]
(Ký tên, đóng dấu)



[1] - Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú hoặc nơi ở hiện tại của người kê khai thực hiện việc xác nhận trong trường hợp: đối tượng quy định tại khoản 10 Điều 76 của Luật Nhà ở.

- Cơ quan quản lý nhà ở công vụ của người kê khai trong trường hợp người kê khai thuộc đối tượng quy định tại khoản 9 Điều 76 của Luật Nhà ở.

- Đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề, trường dân tộc nội trú công lập, trường chuyên biệt theo quy định của pháp luật thực hiện việc xác nhận đối với đối tượng quy định tại khoản 11 Điều 76 của Luật Nhà ở.

[2] Là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú; trường hợp không có nơi thường trú, nơi tạm trú thì nơi ở hiện tại là nơi người kê khai đang thực tế sinh sống.

[3] Ghi rõ người kê khai là đối tượng:

- Đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định, trừ trường hợp bị thu hồi nhà ở công vụ do vi phạm quy định.

- Hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở.

- Học sinh, sinh viên đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề, học sinh trường dân tộc nội trú công lập, trường chuyên biệt theo quy định của pháp luật.

[4] Nơi xác nhận thuộc mục kê khai số 1.

[5] Đối tượng thuộc mục kê khai số 7.

[6] Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có dự án nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân xác nhận.

[7] Là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú của người kê khai đang thường xuyên sinh sống.

[8] Ghi rõ người kê khai là đối tượng:

- Người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ thuộc trường hợp được hỗ trợ cải thiện nhà ở theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

- Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn;

- Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu;

- Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị;

- Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị;

- Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp;

- Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác;

- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;

- Đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 125 của Luật Nhà ở, trừ trường hợp bị thu hồi nhà ở công vụ do vi phạm quy định của Luật Nhà ở;

- Hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở;

[9] Ghi rõ tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân.

[10] Cơ quan Công an cấp xã nơi thường trú hoặc tạm trú hoặc nơi ở hiện tại.

[11] Là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú; trường hợp không có nơi thường trú, nơi tạm trú thì nơi ở hiện tại là nơi người kê khai đang thực tế sinh sống.

[12] Ghi rõ người kê khai là đối tượng: người thu nhập thấp tại khu vực đô thị không có hợp đồng lao động, không được hưởng lương hưu do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả.

[13] Cơ quan công an cấp xã nơi thường trú hoặc tạm trú hoặc nơi ở hiện tại có trách nhiệm xác nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 30 của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 261/2025/NĐ-CP và Nghị định số 54/2026/NĐ-CP.

Mẫu NOCA: Giấy chứng minh đối tượng trong Công an nhân dân được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội và nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân

(Ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BCA ngày 10/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH ĐỐI TƯỢNG TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở XÃ HỘI, NHÀ Ở CHO LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

1. Kính gửi¹:
2. Họ và tên người đề nghị xác nhận:
3. Ngày sinh:
4. Nơi cư trú:
5. Số định danh cá nhân:
6. Là đối tượng.....
 - 6.1 (Sĩ quan/hạ sĩ quan/công nhân công an):
 - 6.2 Lao động hợp đồng không xác định thời hạn hưởng lương từ ngân sách nhà nước làm việc tại.....²

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

Thủ trưởng đơn vị trực tiếp

quản lý người kê khai

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm

Người kê khai

(ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị ³

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Ghi tên cơ quan nơi công tác.

² Điều kiện về nhà ở và điều kiện về thu nhập để được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân của đối tượng này được áp dụng như đối với đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 của Luật Nhà ở.

³ Người có thẩm quyền theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 5 Thông tư.

**Mẫu NOQĐ. MẪU GIẤY TỜ CHỨNG MINH ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG
CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở**
(Kèm theo Thông tư số 94/2024/TT-BQP ngày 11/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng
quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở trong QĐND Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG

1. Kính gửi¹:
2. Họ và tên người đề nghị xác nhận:
3. Thẻ căn cước/Căn cước công dân số:..... cấp ngày/...../..... tại
4. Nơi ở hiện tại:
5. Đăng ký thường trú (đăng ký tạm trú) tại:.....
6. Tên cơ quan (đơn vị)
7. Thuộc đối tượng²

Tôi cam kết chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào.

Tôi cam kết trả lại nhà ở công vụ (nếu có) sau khi nhận bàn giao nhà ở xã hội (nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân).

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

.... Ngày... tháng.... năm.....

Xác nhận của cơ quan, đơn vị về:

Người đề nghị xác nhận

Đồng chí:

(Ký và ghi rõ họ tên)

là đối tượng:

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Các cơ quan, đơn vị từ cấp Trung đoàn và tương đương trở lên thuộc Bộ Quốc phòng được giao xác nhận đối với trường hợp người đề nghị xác nhận là: Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; Ban cơ yếu Chính phủ được giao xác nhận đối với trường hợp người đề nghị xác nhận là: Người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác thuộc phạm vi quản lý Bộ Quốc phòng.

² Ghi rõ người đề nghị xác nhận thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ về nhà ở, vay vốn ưu đãi để mua, nhà ở: Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác thuộc phạm vi quản lý Bộ Quốc phòng.

780-
FY
IN
ND
HAI

Mẫu số 06. Giấy tờ chứng minh đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được mua/thuê mua NOXH trên địa bàn tỉnh

Thái Nguyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN TỰ KÊ KHAI ĐIỀU KIỆN VỀ NHÀ Ở THUỘC SỞ HỮU CỦA MÌNH
NHƯNG CÁCH XA NƠI LÀM VIỆC**

1. Kính gửi¹: Chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội.....

2. Họ và tên:.....

3. Căn cước công dân số..... cấp ngày...../...../..... tại.....

4. Nơi ở hiện tại²:.....

5. Đăng ký thường trú tại:.....

6. Nơi đang làm việc³:.....

7. Họ và tên vợ/chồng (nếu có):.....

Căn cước công dân số..... cấp ngày...../...../..... tại.....

8. Tôi và vợ/chồng tôi (nếu có) cam kết đã có tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) tại xã (phường).....; số serido.....cấp ngày...../...../.....

- Khoảng cách từ nhà ở đến nơi làm việc của tôi là:.....km.

- Khoảng cách từ nơi làm việc của tôi đến dự án nhà ở xã hội mà tôi đăng ký mua, thuê mua là:km.

Các khoảng cách này đáp ứng điều kiện theo quy định trường hợp đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được mua, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Tôi xin cam đoan những nội dung tự kê khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người kê khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội (ghi tên dự án) mà người kê khai đăng ký mua, thuê mua.

² Là nơi thường trú hoặc tạm trú mà người kê khai đang thường xuyên sinh sống.

³ Ghi rõ tên cơ quan/đơn vị và địa chỉ nơi người kê khai đang làm việc.